

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN LINH

BIỂU SỐ LIỆU THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
Giai đoạn từ 2020 đến hết tháng 6 năm 2025 và từ tháng 7 năm 2025 đến nay

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn từ năm 2020 đến hết năm học 2024 -2025 (hết tháng 6/2025)	Giai đoạn từ tháng 7 năm 2025 đến nay	Ghi chú
1	Chính sách hỗ trợ nấu ăn đối với cơ sở giáo dục mầm non công lập ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn (Điều 4)				
	Số cơ sở/điểm trường đủ điều kiện hưởng chính sách	Cơ sở	Cơ sở	3	3
	Số kinh phí đã thực hiện	Triệu đồng	Triệu đồng	738,28	120
2	Chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động (Điều 5)				
	Số cơ sở GDMN độc lập dân lập, tư thục đủ điều kiện hưởng chính sách	Cơ sở	Cơ sở	0	0
	Số kinh phí đã thực hiện	Triệu đồng	Triệu đồng	0	0
3	Chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo (Điều 7)			0	0
	Trẻ mẫu giáo 3 tuổi - 4 tuổi	Trẻ	Trẻ	919	190
	Trẻ mẫu giáo 4 tuổi - 5 tuổi	Trẻ	Trẻ	1352	174
	Trẻ mẫu giáo 5 tuổi - 6 tuổi	Trẻ	Trẻ	1439	174
	Tổng số kinh phí đã thực hiện (cho cả 3 độ tuổi)	Triệu đồng	Triệu đồng	5.199,42	224,64
4	Chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp (Điều 8)				
	Số trẻ nhà trẻ đủ điều kiện hưởng chính sách	Trẻ	Trẻ	0	0
	Số trẻ mẫu giáo đủ điều kiện hưởng chính sách	Trẻ	Trẻ	0	0
	Tổng số kinh phí đã thực hiện (Nhà trẻ và MG)	Triệu đồng	Triệu đồng	0	0
5	Chính sách đối với giáo viên mầm non dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số (Điều 9)				
	Số giáo viên đủ điều kiện hưởng chính sách	Giáo viên	Giáo viên	125	17
	Tổng số kinh phí đã thực hiện	Triệu đồng	Triệu đồng	361,8	67,95
6	Chính sách đối với giáo viên ngoài công lập ở địa bàn có KCN (Điều 10)				
	Số giáo viên đủ điều kiện hưởng chính sách	Giáo viên	Giáo viên		
	Tổng số kinh phí đã thực hiện	Triệu đồng	Triệu đồng		

Người lập (tổng hợp)
Trần Thế Tú

Thủ trưởng đơn vị
Ký tên, đóng dấu)